| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 – NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **124**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/8/2026
*V/v: Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Sầm Thị Thanh Sương
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Phan Thị Duệ.
2. Ông Lô Xuân Vân.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Lò Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2026/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị T**, sinh ngày 19/5/1989.
Trú tại: Xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An.
Số CCCD: 040189040009 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Anh **Trần Văn P**, sinh ngày 23/10/1985.
Trú tại: Xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An.
Số CCCD: 040085016663.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P đăng ký kết ngày 19/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An cũ trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân được 6 năm. Trong thời gian sống ly thân chị T không còn tình cảm với anh P nên chị Cao Thị T viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Giữa chị và anh P có 01 con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn P vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh P vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ngày 04/8/2026, anh Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn P thống nhất thời gian đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Cao Thị T do anh P vẫn còn tình cảm.

Về con chung: Giữa anh và chị Cao Thị T có 01 con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị Cao Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh tại Công an xã T, tỉnh Nghệ An:* Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Anh Trần Văn P hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An.

*Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An:* Chị Cao Thị T và anh Trần Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 19/12/2008, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị Cao Thị T và anh Trần Văn P phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Chị T và anh P có 01 con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009. Nếu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét điều kiện kinh tế, hoàn cảnh sống của hai bên, cùng nguyện vọng của con chung và ý kiến thỏa thuận của hai vợ chồng để giao nuôi con, tạo điều kiện, môi trường phát triển tốt nhất cho con chung sau này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Nghệ An tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị T và bị đơn anh Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và đình; các 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147

Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn P. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Cao Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Cao Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn P và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã T, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn P nhưng anh P đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tụng dân sự. Nguyên đơn chị Cao Thị T và bị đơn anh Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Trần Văn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An cũ vào ngày 19/12/2008. Hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh P đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh P có đơn xin vắng mặt và có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Cao Thị T do vẫn còn tình cảm. Tuy nhiên, chị T xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh P nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin

được ly hôn với anh Trần Văn P. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Trần Văn P.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Cao Thị T và anh Trần Văn P có 01 con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009. Chị Cao Thị T và anh Trần Văn P đều có nguyện vọng nuôi con chung. Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của chị T, anh P, ý kiến của con chung có nguyện vọng được ở với mẹ, xét thấy cần buộc anh Trần Văn P giao con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 8 năm 2026 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn P. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị T và anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Chị Cao Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T đối với anh Trần Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Văn P giao con chung là Trần Huyền T1, sinh ngày 24/7/2009 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 8 năm 2026 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn P.

Anh Trần Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị T và anh Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị Cao Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005001 ngày 29/6/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Sầm Thị Thanh Sương**